TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/HS-ST

Ngày: 08-7-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Hoàng Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Thiện

Bà Dương Thị Thanh Thúy

-Thư ký phiên toà: Bà Hồ Thị Yến Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Ông Phan Minh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 36/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 36/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/HSST-QĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

TRẦN MINH T, sinh năm: 1985 tại tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: tổ B, ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn D, sinh năm: 1967 và bà Huỳnh Thị Ú, sinh năm 1965; Vợ, con: chưa có; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

- *Người làm chứng:* Ông Lê Hùng D, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Phường P, huyện C, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

- *Người chứng kiến:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1994;

Nơi cư trú: Số 17/1, ấp M, xã P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 25/10/2019, Trần Minh T một mình đến quận T, Thành phố Hồ Chí Minh gặp người bạn tên Th (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) nhờ mua giùm 03 gói ma túy đá giá 1.800.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, T và Th cùng sử dụng hết 02 gói, 01 gói còn lại T lấy băng keo màu vàng quấn bên ngoài, gói lại bằng tờ vé số và cất giấu trong khẩu trang T đang đeo rồi đi về huyện C, tỉnh Tiền

Giang. Sau đó, T cùng Lê Hùng D đi bằng xe môtô biển số 93T4-4194 đến nhà người quen ở xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre để trông coi đồ đạc đang gửi tại đó. Sau khi xong việc, T chở D quay về Tiền Giang, đến khu vực trước Ủy ban nhân dân xã P, thành phố BT, tỉnh Bến tre thì bị tổ tuần tra của Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ Công an tỉnh Bến Tre yêu cầu dừng xe kiểm tra. Qua kiểm tra, lực lượng Công an phát hiện bên trong khẩu trang bằng vải của T đang đeo có 01 tờ vé số gói 01 túi nylon màu trắng sọc xanh hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khép, bên ngoài có quấn băng keo màu vàng, bên trong túi nylon có chứa tinh thể màu trắng nghi là chất ma túy nên lập biên bản sự việc.

Vật chứng thu giữ:

- 01 túi nylon được hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khép và vạch màu xanh, bên ngoài túi nylon được quấn băng keo màu vàng, bên trong có chứa tinh thể màu trắng (sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì có các chữ ký, ghi tên của Trần Minh T, Nguyễn Thị Thanh T, Phan Nghĩa T, Nguyễn Thanh N, hình dấu vân tay màu đỏ và hình dấu tròn màu đỏ của Công an xã P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- 01 khẩu trang.

- 01 xe môtô biển số 93T4-4194 cùng giấy đăng ký xe mang tên Hoàng Văn T.

Theo Kết luận giám định số 144/2019/GĐMT ngày 25/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) túi nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamine, khối lượng: 0,9520 gam.

Tại bản cáo trạng số 37/CT-VKSTPBT ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Trần Minh T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Trần Minh T từ 01 năm đến 01 năm 6 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Về hình phạt bổ sụng: đề nghị không áp dụng đối với bị cáo.

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì số 144/2019 có chữ ký ghi tên Phan Trung T, Phan Nghĩa T và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre chứa chất ma túy còn lại sau giám định và 01 khẩu trang; Giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre 01 xe mô tô biển số 93T4-4194 cùng giấy đăng ký xe mang tên Hoàng Văn T để xác minh làm rõ nguồn gốc và xử lý theo thẩm quyền.

Bị cáo Trần Minh T khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản cáo trạng truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên sơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, người làm chứng Lê Hùng D vắng mặt. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra đã có lời khai rõ ràng nên sự vắng mặt của người làm chứng không trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người làm chứng theo quy định tại khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Minh T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người làm chứng, người chứng kiến, biên bản sự việc, bản ảnh quả tang, tang vật thu giữ, kết luận giám định về chất ma túy và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra có đủ cơ sở xác định: Khoảng 11 giờ 00 ngày 25/10/2019, Trần Minh T đến quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nhờ một người tên Th (không rõ lai lịch) mua dùm 03 gói ma túy đá với giá 1.800.000 đồng. Sau khi mua ma túy, T cùng Th sử dụng hết 02 gói, còn lại 01 gói T cất giấu trong khẩu trang đang đeo rồi về huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau đó T cùng Lê Hùng D đi qua nhà người quen ở xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre. Đến khoảng 19 giờ 45 phút cùng ngày 25/10/2019, khi T đang điều khiển xe mô tô biển số 93T4-4194 chở Lê Hùng D từ xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre về Tiền Giang và đến khu vực trước Ủy ban nhân dân xã P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre thì bị lực lượng Công an kiểm tra thu giữ gói ma túy. Kết quả giám định xác định chất màu trắng bị thu giữ là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,9520 gam.

[4] Bị cáo Trần Minh T là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã thực hiện hành vi cất giữ trái phép 0,9520 gam Methamphetamine để sử dụng với lỗi cố ý, xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về phòng ngừa, ngăn chặn và kiểm soát tệ nạn ma túy. Vì vậy, hành vi của bị cáo Trần Minh T đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[5] Tệ nạn ma túy là hiểm họa lớn cho toàn xã hội, gây tác hại cho sức khỏe, tinh thần, làm suy thoái nòi giống, phẩm giá con người, phá hoại hạnh phúc gia đình, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội và an ninh quốc gia, là nguyên nhân chính dẫn đến các tệ nạn xã hội khác. Để phòng ngừa, ngăn chặn và đấu tranh có hiệu quả với tệ nạn ma túy cần phải xử lý nghiêm các hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển…trái phép chất ma túy theo quy định của pháp luật.

[6] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng: Mặc dù nhân thân của bị cáo được xác định là không có tiền án, tiền sự, nhưng sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã về hành vi sử dụng trái phép chất

ma túy. Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng như: trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[7] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ và hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Hình phạt bổ sung: Xét về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, xét thấy áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo là không cần thiết nên không áp dụng.

[9] Về phần xử lý vật chứng:

Vật chứng của vụ án hiện đang thu giữ, bao gồm: 01 phong bì số 144/2019 có chữ ký ghi tên Phan Trung T, Phan Nghĩa T và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre chứa chất ma túy còn lại sau giám định; 01 khẩu trang; 01 xe mô tô biển số 93T4-4194 cùng giấy đăng ký xe mang tên Hoàng Văn T. Xét thấy, chất ma túy còn lại sau giám định là là vật Nhà nước cấm lưu hành và 01 khẩu trang là công cụ bị cáo thực hiện tội phạm, hiện không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 xe mô tô biển số 93T4-4194 cùng giấy đăng ký xe mang tên Hoàng Văn T, qua điều tra xác định xe mô tô này trước đây do ông Hoàng Văn T là chủ sở hữu nhưng đã bị cháy chỉ còn khung xe, ông T đã bán khung xe cho người mua phế liệu, vì vậy nguồn gốc và tính hợp pháp của xe mô tô trên cùng giấy đăng ký xe chưa rõ ràng nên cần giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý theo thẩm quyền.

[10] Đối với đối tượng tên Th hiện không xác định rõ lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

[11] Đối với Lê Hùng D khi đi chung xe với bị cáo không biết việc bị cáo cất giữ chất ma túy nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Trần Minh T phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Minh T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo: Trần Minh T 01 (Một) năm 3 (Ba) tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) phong bì số 144/2019 có chữ ký ghi tên Phan Trung T, Phan Nghĩa T và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre và 01 (Một) khẩu trang.

- Giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre 01 (Một) xe mô tô biển số 93T4-4194 cùng 01 (Một) giấy đăng ký xe mang tên Hoàng Văn T để tiếp tục xác minh làm rõ nguồn gốc và xử lý theo thẩm quyền.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/5/2020, hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre quản lý)

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trần Minh T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (1b);
- Bị cáo (1b);
- Bộ phận thi hành án hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Lê Hoàng Út